

Số: 41 /2018/NQ-HĐND

Long An, ngày 26 tháng 10 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT**

**Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 264/2016/NQ-HĐND ngày 26/4/2016 của HĐND tỉnh về đào tạo nguồn nhân lực ngành y tế giai đoạn 2016-2020 của tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

**KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 11**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;*

*Xét Tờ trình số 105/TTr-UBND ngày 28/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 264/2016/NQ-HĐND ngày 26/4/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về đào tạo nguồn nhân lực ngành y tế giai đoạn 2016-2020 của tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 525/BC-HĐND ngày 10/10/2018 của Ban văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 264/2016/NQ-HĐND ngày 26/4/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về đào tạo nguồn nhân lực ngành y tế giai đoạn 2016 – 2020 của tỉnh, như sau:

**1.** Khoản 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Đối tượng đào tạo

a) Đối với hệ chính quy: Học sinh, sinh viên cử đi đào tạo chuyên ngành y thuộc lĩnh vực y tế với hình thức kinh phí do cá nhân tự chi trả.

b) Đối với hệ liên thông, hệ vừa học vừa làm: Nâng cao trình độ đội ngũ công chức, viên chức hiện có trình độ trung cấp, cao đẳng chuyên ngành thuộc lĩnh vực y, được với hình thức kinh phí do cá nhân tự chi trả và nguồn thu sự nghiệp được để lại của đơn vị.

c) Đối với sau đại học: Nâng cao trình độ đội ngũ công chức, viên chức hiện có trình độ đại học thuộc lĩnh vực y, được với hình thức nhà nước hỗ trợ kinh phí đào tạo”.

2. Điểm b Khoản 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

<i>Đối tượng được cử đi đào tạo</i>	<i>Nhu cầu cần cử đi đào tạo</i>	<i>Phân kỳ thực hiện theo từng năm</i>				
		<i>2016</i>	<i>2017</i>	<i>2018</i>	<i>2019</i>	<i>2020</i>
<b>1. Hệ chính quy</b>	<b>450</b>	<b>70</b>	<b>90</b>	<b>90</b>	<b>90</b>	<b>110</b>
- Bác sĩ	380	50	70	80	80	100
- Dược sĩ	20	10	10	0	0	0
- Cử nhân Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật viên Y	50	10	10	10	10	10
<b>2. Hệ liên thông</b>	<b>330</b>	<b>115</b>	<b>95</b>	<b>40</b>	<b>40</b>	<b>40</b>
- Bác sĩ	120	70	50	0	0	0
- Dược sĩ	10	5	5	0	0	0
- Cử nhân Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật viên Y	200	40	40	40	40	40

3. Khoản 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Điểm b được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) Đại học

<i>Đối tượng được cử đi đào tạo</i>	<i>Số đang đào tạo</i>	<i>Nhu cầu cần cử đi đào tạo</i>	<i>Thời gian đào tạo</i>
<b>1. Hệ chính quy</b>			
- Bác sĩ	213	380	6 năm
- Dược sĩ	13	20	5 năm
- Cử nhân Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật viên y	35	50	4 năm
<b>2. Hệ liên thông</b>			
- Bác sĩ	105	120	4 năm
- Dược sĩ	23	10	4 năm
- Cử nhân Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật viên	23	200	4 năm

b) Điểm c được sửa đổi, bổ sung như sau:

“c) *Kinh phí dự kiến hỗ trợ đào tạo theo từng năm*

DVT: nghìn đồng

Kinh phí dự kiến hỗ trợ đào tạo theo từng năm		Kinh phí dự kiến tính hỗ trợ đào tạo theo địa chỉ sử dụng hệ đại học năm 2016, năm 2017	Kinh phí dự kiến tính hỗ trợ cho đối tượng đào tạo sau đại học từ năm 2016 đến năm 2020	Kinh phí không thực hiện đào tạo theo địa chỉ sử dụng hệ đại học năm 2018, năm 2019, năm 2020 (sử dụng để thực hiện điều khoản chuyển tiếp và hoàn trả lại ngân sách)
Năm hỗ trợ đào tạo	Kinh phí thực hiện			
1	2 (=3+4+5)	3 (=2-4-5)	4 (=2-3-5)	5 (=2-3-4)
- Năm 2016	18.312.960	14.917.400	3.395.560	
- Năm 2017	27.022.300	21.034.370	5.987.930	
- Năm 2018	34.096.040	0	7.843.440	26.252.600
- Năm 2019	41.884.420	0	10.471.670	31.412.750
- Năm 2020	47.986.400	0	12.855.300	35.131.100
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>169.302.120</b>	<b>35.951.770</b>	<b>40.553.900</b>	<b>92.796.450</b>

c) Bổ sung điểm d như sau:

“d) **Nguồn kinh phí:** Từ ngân sách nhà nước”.

**Điều 2.** Điều khoản chuyển tiếp.

Chấm dứt chi trả học phí và chế độ hỗ trợ đào tạo đối với sinh viên đào tạo theo địa chỉ sử dụng, theo diện thu hút kể từ ngày 26/12/2017 (những khoản học phí và chế độ hỗ trợ đào tạo đối với sinh viên trước ngày 26/12/2017 nhưng chưa thanh toán sẽ tiến hành thanh toán theo quy định).

1. Đối với những sinh viên còn đang theo học, chưa tốt nghiệp sau ngày 26/12/2017 thì tiến hành thanh lý hợp đồng trách nhiệm trước thời hạn (giữa sinh viên và Sở Y tế hoặc Sở Nội vụ) và không thu hồi kinh phí ngân sách tỉnh đã hỗ trợ. Đồng thời, có văn bản hủy bỏ các cam kết về tình công tác sau khi tốt nghiệp đối với sinh viên chưa tốt nghiệp này.

2. Đối với những sinh viên đã tốt nghiệp trước ngày 26/12/2017 thì yêu cầu thực hiện theo đúng hợp đồng và cam kết với tỉnh, trường hợp không thực hiện thì phải đền bù chi phí đào tạo theo hợp đồng và cam kết.

3. Đối với những trường hợp đã tốt nghiệp, có đơn xin thôi việc hoặc xin đền bù chi phí đào tạo thì giải quyết cho đền bù chi phí đào tạo và giải quyết thôi việc theo quy định.

**Điều 3.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 32/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định của Nghị quyết số 264/2016/NĐ-HĐND ngày 26/4/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về đào tạo nguồn lực ngành y tế giai đoạn 2016-2020 của tỉnh.

**Điều 4.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Long An khóa IX, kỳ họp thứ 11 (kỳ họp bất thường) thông qua ngày 26/10/2018 và có hiệu lực kể từ ngày 06/11/2018./.

**Nơi nhận:**

- UB Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- VP.QH, VP.CP “TP.HCM” (b/c);
- Ban Công tác đại biểu của UBTWQH (b/c);
- Bộ Y tế;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- TT.TU (b/c);
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa IX;
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Các sở ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Phòng Công báo - VP. UBND tỉnh;
- Lưu: vt.

